TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH-TP HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2020/Q□ST- DS	*Ứng Hoà, ngày 06 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh **Nguyễn Duy T** - sinh năm 1975; Nơi ĐKHKTT: thôn HD, xã SC, huyện UH, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: đường 01 TH, ấp ÔD, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

**** Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Duy T1** - sinh năm 1963; Nơi ĐKHKTT: thôn HD, xã SC, huyện UH, thành phố Hà Nội.

**** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Bà **Nguyễn Thị V** - sinh năm 1940; Nơi ĐKHKTT: thôn HD, xã SC, huyện UH, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

Anh Nguyễn Duy T1 và anh Nguyễn Duy T cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều tự nguyện thỏa thuận, thống nhất và đề nghị Tòa án ghi nhận, cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận thửa đất số 223, tờ bản đồ số 9, diện tích 159,2m2 đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại thôn HD, xã SC, huyện UH, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri BN 859902, số vào sổ cấp GCN: CH00902, do UBND huyện UH cấp cho hộ ông Nguyễn Duy P ngày 10/6/2013 cùng các công trình xây dựng trên đất (nhà ở, khu công trình phụ, khu chăn nuôi, bể nước mưa, bể ngầm, giếng khoan, cổng ngõ, sân đổ trị) và một số đồ dùng, vật dụng khác (bàn, ghế, tủ . . .) trong nhà là tài sản

chung của vợ chồng ông Nguyễn Duy P và bà Nguyễn Thị V. Do đó, di sản của ông Nguyễn Duy P để lại là ½ diện tích thửa đất số 223 nêu trên (79,6m2) cùng ½ giá trị các công trình xây dựng trên thửa đất số 223 nêu trên. Ông Nguyễn Duy P chết không để lại di chúc.

2.2. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy P gồm có: bà Nguyễn Thị V - sinh năm 1940 (vợ ông P); anh Nguyễn Duy T1, sinh năm 1963 (con trai trưởng ông P); anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1975 (con trai út của ông P) nên đều được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Duy P và đều hưởng phần thừa kế bằng nhau.

2.3 Anh Nguyễn Duy T1 và anh Nguyễn Duy T cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều tự nguyện thỏa thuận, thống nhất và đề nghị Tòa án ghi nhận, cụ thể tự thoả thuận việc phân chia di sản thừa kế nh- sau:

- Phần tài sản của bà V trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Duy P là 159,2m2/2 = 79,6m2 thửa đất số 223 nêu trên và ½ giá trị các công trình xây dựng trên thửa đất số 223 này; Phần di sản bà V, anh T1, anh T được hưởng của ông Nguyễn Duy P là bằng nhau và bằng 79,6m2 : 3 = 26,53m2 thửa đất số 223 nêu trên và 1/6 giá trị các công trình xây dựng trên thửa đất số 223 này. Bà V tự nguyện tặng cho lại anh Nguyễn Duy T phần diện tích thửa đất là tài sản riêng của bà trong khối tài sản chung của bà với ông P (79,6m2) và phần di sản thừa kế bà được hưởng của ông P (26,53m2). Do đó, Phần diện tích thửa đất 223 nêu trên anh T được hưởng là (26,53m2 + 26,53m2 + 79,6m2 = 132,66m2). Anh T có trách nhiệm phụng dưỡng, chăm sóc bà Nguyễn Thị V khi còn sống và lo ma chay, giỗ, tết cho bà V khi bà V chết.

- Phần di sản thừa kế của anh T1 được hưởng là 26,53m2 và 1/6 giá trị các công trình xây dựng trên đất, anh T1 tự nguyện giao lại cho anh T được toàn quyền sở hữu, sử dụng, quản lý và anh T có trách nhiệm bồi hoàn quy thành tiền cho anh T1 số tiền 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng chẵn)*. Anh T1 đã nhận đủ số tiền 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng chẵn)* từ anh T.

- Anh T được toàn quyền sở hữu, sử dụng, quản lý và định đoạt thửa đất số 223, tờ bản đồ số 9, diện tích 159,2m2 đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại thôn HD, xã SC, huyện UH, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri BN 859902, số vào sổ cấp GCN: CH00902, do UBND huyện UH cấp cho hộ ông Nguyễn Duy P ngày 10/6/2013 cùng toàn bộ các công trình xây dựng trên đất *(nhà ở, khu công trình phụ, khu chăn nuôi, bể nước mưa, bể ngầm, giếng khoan, cổng ngõ, sân đổ trị).*

{Trong quá trình quản lý, sử dụng, định đoạt đối với tài sản trên đất và diện tích 159,2m2 đất của thửa đất số 223, tờ bản đồ số 9 ở tại nông thôn, tọa lạc tại thôn HD, xã SC, huyện UH, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri BN 859902, số vào sổ cấp GCN: CH00902, do UBND huyện UH cấp cho hộ ông Nguyễn Duy P ngày 10/6/2013 anh T được quyền kê khai sự biến động, đăng ký quyền sở hữu đối với thửa đất trên theo quy định về quản lý đất đai của các cơ quan Nhà n□ớc cấp có thẩm quyền}.

2.4 Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Duy T nộp cả 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp; anh T tự nguyện nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 150.000 đồng dự phí đã nộp còn lại theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009416 ngày 02/12/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục T.H.A DS huyện UH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thiện